

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 9 năm 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Đinh Thu Thanh;

+ Bà Tạ Thị Thế.

Thư ký phiên tòa: ông Phạm Việt Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Hoàng Thị N, sinh năm 1981;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 05, ngách 2, ngõ 2, đường K, tổ 9, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: xóm Đ, thôn P, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1979.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 05, ngách 2, ngõ 2, đường K, tổ 9, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: số 01, ngõ 181, đường N, tổ 20, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: chị N có mặt, anh P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Hoàng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Minh P đăng ký kết hôn vào ngày 03/7/2009 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc trong khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh P thường xuyên đánh đập chị, có lần chị đã báo công an đến giải quyết. Tháng 9/2018, chị đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Minh P, tuy nhiên do cần có thời gian để anh P sửa đổi tính nết nên chị đã làm đơn xin rút đơn khởi kiện. Từ khi chị rút đơn khởi kiện đến nay, vợ chồng chị vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Nay chị không còn tình cảm với anh P nữa nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh Nguyễn Minh P. Hiện nay chị không có thai.

Về nuôi con chung, con riêng:

Về nuôi con chung: chị và anh P có 02 con chung, cháu lớn tên là Nguyễn Minh Ch, sinh ngày 05/3/2011, cháu bé tên là Nguyễn Chí Th, sinh ngày 06/8/2013. Sau khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Ch. Anh Nguyễn Minh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Chí Th. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con riêng: chị không có con riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

*. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Minh P là bị đơn đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhưng anh P không có mặt tại Tòa án để trình bày quan điểm giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh P từ chối nhận văn bản tố tụng. Tòa án đã lập biên bản theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

*. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng; việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vi phạm quy định Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia

đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Nguyễn Minh P. Về nuôi con chung: giao cháu Nguyễn Minh Ch, sinh ngày 05/3/2011 cho chị Hoàng Thị N nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Chí Th, sinh ngày 06/8/2013 cho anh Nguyễn Minh P nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: chị Hoàng Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Tại Công văn số 04/LĐTBXH ngày 30/7/2020 của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố T cung cấp: anh P và chị N có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Ch, sinh ngày 05/3/2011 và cháu Nguyễn Chí Th, sinh ngày 06/8/2013. Tại địa phương không thấy gia đình có biểu hiện đánh đập hay ngược đãi các cháu.

Tại Biên bản xác minh ngày 30/7/2020, Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T cung cấp: chị N và anh P kết hôn năm 2009. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn và công an phường có đến giải quyết. Chị N và anh P có 02 con chung, các cháu đang ở với anh P và được anh P chăm sóc chu đáo, không có biểu hiện bị bạo hành. Về mức thu nhập bình quân của người lao động tự do trên địa bàn phường Bắc Sơn là 4.900.000 đồng/người/tháng.

Tại Biên bản xác minh ngày 30/7/2020, Công an phường B, thành phố T cung cấp: anh P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 9, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Tại Công văn số 36/VHTT ngày 31/7/2020 của Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố T cung cấp: trong cuộc sống do vợ chồng chị N, anh P có bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Tại Biên bản xác minh ngày 31/7/2020, Công an phường B, thành phố T cung cấp: trong thời gian vợ chồng anh P, chị N chung sống, thỉnh thoảng có cãi nhau. Chị N có đến Công an phường thông báo việc chị N bị anh P đánh đập. Công an phường B có phân tích, hòa giải để vợ chồng anh chị hòa thuận, tránh gây mất trật tự trong khu dân cư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Chị Hoàng Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Anh Nguyễn Minh P có địa chỉ tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh

Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Ngày 08/9/2020 Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình đưa vụ án ra xét xử nhưng anh Nguyễn Minh P vắng mặt, căn cứ quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Ngày 08/9/2020 Tòa án đã niêm yết hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nhưng anh P vẫn vắng mặt tại phiên tòa xét xử ngày 24/9/2020. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Minh P đăng ký kết hôn ngày 03/7/2009 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T do tự nguyện là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị N trình bày: sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về cách sống, quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau.

Qua xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, xét thấy: trong thời gian vợ chồng anh P, chị N chung sống, do vợ chồng có bất đồng quan điểm, chị N có đến Công an phường B thông báo việc chị N bị anh P đánh đập và mâu thuẫn đã được Công an phường B phân tích, hòa giải để vợ chồng anh chị hòa thuận, tránh gây mất trật tự trong khu dân cư.

Tháng 9 năm 2018 chị N khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh P. Ngày 02/10/2018 chị N rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, kể từ khi Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 17/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03/10/2018 cho đến nay, anh P và chị N vẫn không khắc phục được mâu thuẫn vợ chồng. Với những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn anh P là phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung, con riêng:

Về nuôi con chung: chị N và anh P có 02 con chung, cháu lớn tên là Nguyễn Minh Ch, sinh ngày 05/3/2011, cháu bé tên là Nguyễn Chí Th, sinh ngày 06/8/2013.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/6/2020, cháu Ch có nguyện vọng ở với chị Nh, cháu Th có nguyện vọng ở với anh Ph.

Chị N trình bày: để tiện cho việc chăm sóc và cho các con được học tập tốt nhất, chị đề nghị được nuôi cháu Ch, anh P nuôi cháu Th. Về phía anh P thì anh P có chỗ ở ổn định, anh P mới mua nhà đất tại tổ 20, phường T, thành phố T, anh P có thu nhập ổn định để nuôi dưỡng tốt cháu Th. Bản thân chị có công việc ổn định tại Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đ, có thu nhập ổn định nên đủ kinh tế để nuôi cháu Ch.

Anh P vắng mặt nên không rõ quan điểm về con chung.

Xét hoàn cảnh, điều kiện và nguyện vọng của cháu Ch và cháu Th thấy rằng: chị N có thu nhập ổn định, có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con, đảm bảo việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần của con. Anh P làm lái xe tự do, có chỗ ở ổn định (bút lục số 76).

Theo khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...”.

Xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng của cháu Ch và cháu Th, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin được nuôi dưỡng cháu Ch của chị N, giao cho chị N được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ch; giao cho anh P được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th là phù hợp với Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con riêng: chị N xác nhận không có con riêng.

Về chia tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Minh P.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Minh P.

2. Về nuôi con chung.

Giao cháu Nguyễn Minh Ch, sinh ngày 05/3/2011 cho chị Hoàng Thị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Nguyễn Chí Th, sinh ngày 06/8/2013 cho anh Nguyễn Minh P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Hoàng Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0001558 ngày 08/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình; chị Hoàng Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 24/9/2020.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Tam Điệp;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Tam Điệp;
- UBND phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng